

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**QUẬN**  
**THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2020/ST-HNGĐ

Ngày: 25.9.2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN, THÀNH PHỐ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị NM*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị T

2. Ông Phùng Văn T

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên  
tòa: Bà Bùi Thị Thùy N - Kiểm sát viên**

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/HNGĐ-ST ngày 01/6/2020 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; ĐKTT: Tổ dân phố 4, phường PL, H, Hà Nội; Trú tại: Số nhà 02, ngõ 17, tổ 4, phường PL, H, Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Gia S, sinh năm 1989; ĐKTT: Tổ dân phố 4, phường PL, H, Hà Nội; Trú tại: Số nhà 02, ngõ 21, tổ 4, phường PL, H, Hà Nội; Địa chỉ liên lạc khác: Trần Hưng (Làng Vức), phường An Hưng, thành phố TH, tỉnh TH. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Chị kết hôn với anh Trần Gia S năm 2010 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Vợ chồng chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi đầy đủ theo phong tục. Sau khi kết hôn chị và anh S thuê nhà ở trọ tại nhà bà Nguyễn Thị Hn ở tổ 4 PL. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến 2013 thì phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S thường xuyên rượu chè về nhà hành hạ vợ con; đánh đập vợ, chửi mắng vợ con mỗi khi không được như ý. Ngoài ra, anh S còn có nhiều biểu hiện không đúng mực về tâm sinh lý; hành vi này được thực hiện cả với con gái anh chị. Chính vì những cư xử lệch lạc, thiếu tư cách như trên dẫn đến anh chị ngày càng xa nhau, anh chị ở chung nhà nhưng ít khi gặp nhau, ly thân từ năm 2019. Đầu năm 2020, anh S đi đi về về, ít khi có mặt ở nhà, anh S đi đâu, làm gì chị cũng không biết. Từ tháng 7/2020 đến nay anh S không về nhà. Chị đã nói chuyện ly hôn với anh S xong anh S bỏ mặc, không có biểu hiện gì để níu kéo gia đình. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên chị kiên quyết xin ly hôn anh Trần Gia S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Trần Mai A, sinh ngày 10.7.2011 và Trần Gia B, sinh ngày 30.8.2013. Chị H xin nuôi hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường PL, quận H cấp (bản chính); Bản sao Giấy khai sinh của các con chung; Bản sao Chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H, anh Trần Gia S; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận H đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ cư trú của anh Trần Gia S tại số nhà 02, ngõ 21, tổ 4, phường PL, H, Hnhung không gặp trực tiếp anh S. Theo kết quả xác minh ngày 21/8/2020 tại Công an phường PL, quận H, thành phố H thể hiện: Anh Trần Gia S ít khi ở nhà, hiện tại không còn ở địa chỉ trên, anh S đi đâu, làm gì công an phường không nắm được do không khai báo tạm vắng với cơ quan công an. Do vậy, Tòa án nhân dân quận H đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Ủy ban nhân dân phường nơi anh S cư trú và tại trụ sở Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Gia S, có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung không có.

Anh Trần Gia S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Gia S, chị H được ly hôn với anh S; Về con: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; về tài sản chung vợ chồng: hai bên không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét; về án

phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về tố tụng: Theo đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân quận H chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Gia S và yêu cầu giao nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Căn cứ Điều 188, 195, 200, 146 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét giải quyết về hôn nhân và giao nuôi con, không giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Anh Trần Gia S có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 4, phường PL,H, Hà Nội; trú tại: Số nhà 02, ngõ 21, tổ 4, phường PL,H, Hà Nội. Quá trình chung sống, chị H và anh S cùng chung sống với nhau tại địa chỉ trên. Điều này được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hộ khẩu gia đình số 240588087, chủ hộ là Nguyễn Thị H; Giấy chứng minh nhân dân số 017368741 do Công an thành phố cấp cho anh Trần Gia S ngày 12.4.2012; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh của con chung; xác nhận của Công an phường PL. Theo cung cấp của chị Nguyễn Thị H và kết quả xác minh tại Công an phường PL, tổ trưởng tổ dân phố nơi anh S cư trú thì anh S ít khi ở nhà, thi thoảng về nhà, vài tháng nay không còn sinh sống ở địa chỉ trên và khi đi không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Gia S.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Gia S đăng ký kết hôn ngày 29.10.2010 tại Ủy ban nhân dân phường PL,H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị H và anh S vẫn tiếp tục chung sống với nhau tại tổ 4, phường PL, quận H, thành phố Hà Nội. Chung sống một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống chung một nhà nhưng ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ tháng 7/2020, anh S cũng không ở tại nơi cư trú mà bỏ đi nơi khác, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho chị H biết. Nay, chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với anh S. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trở nên trầm trọng, thể hiện ở việc hai bên đã không cùng chung sống với nhau, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, thực tế hai bên không có cuộc sống chung, cuộc hôn nhân chỉ còn tồn tại về danh nghĩa, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là: Trần Mai A, sinh ngày 10.7.2011 và Trần Gia B, sinh ngày 30.8.2013. Hiện nay, cả hai con đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Mai A và Gia B cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. Xét thấy, chị H hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và theo kết quả xác minh tại địa phương, chị H

không thuộc trường hợp hạn chế giao nuôi con. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Trần Mai A, sinh ngày 10.7.2011 và Trần Gia B, sinh ngày 30.8.2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Thơm phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, 63, 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Gia S.
2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Mai A (nữ - sinh ngày 10/7/2011) và con Trần Gia B (nam - sinh ngày 30/8/2013) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Trần Gia S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Gia S cho đến khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Gia S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 9021 ngày 28.5.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quậnH;
- Thi hành án dân sự quậnH;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

***Nguyễn Thị NM***

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

